

NHỮNG KHÍA CẠNH SINH HOẠT, LỐI SỐNG CỦA DÂN CƯ VÀ VẤN ĐỀ Ở

PHÒNG XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ

Nghiên cứu xã hội học vấn đề ở có nhiệm vụ phải tìm hiểu những mối liên hệ qua lại giữa điều kiện ở với tư cách là một điều kiện sống với những con người đang sống với tư cách là cư dân tại nơi ở (trong căn hộ, ngoài căn hộ, điểm dân cư). Điều này giúp chúng ta phản ánh đầy đủ hơn toàn diện hơn điều kiện ở, chất lượng ở của họ, phát hiện ra những đặc điểm xu hướng của các hoạt động sống do điều kiện ở chi phối, tìm ra những giải pháp quy hoạch - thiết kế - xây dựng và tổ chức xã hội môi trường ở, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của nhân dân.

Trong tất cả các dạng hoạt động của con người, gắn bó chặt chẽ nhất với vấn đề ở là các hoạt động thuộc lĩnh vực sinh hoạt. Nó bao gồm tất cả các dạng hoạt động của con người ngoài giờ làm việc (lao động, sản xuất học tập...). Nó gắn liền với nhà ở bởi nhà ở là nơi thể hiện khá đầy đủ điều kiện sống và trình độ sống của con người. Nó góp phần tái tạo và phát triển con người toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Để phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu một số dạng hoạt động của dân cư thành phố trong lĩnh vực sinh hoạt trên cơ sở hai nhóm chỉ báo chính là cơ cấu quỹ thời gian và cơ cấu cường độ của các dạng hoạt động.

Trước hết là các công việc nội trợ, gia đình. Các số liệu nghiên cứu đã phản ánh rõ nét những khó khăn trong sinh hoạt của dân cư thành phố do không có đủ các tiện nghi sinh hoạt cần thiết như điện nước, các cơ sở dịch vụ đảm bảo những nhu cầu thiết yếu hàng ngày cho các gia đình.

Về thời gian, trung bình người phụ nữ có gia đình hàng ngày phải dùng 3 giờ 15 phút, nam giới 1 giờ 50 phút cho các công việc nội trợ. Trong tổng thể các hoạt động phục vụ sinh hoạt, loại hoạt động này chiếm tỷ trọng 57% xét về cường độ, trong khi đó hoạt động sinh hoạt văn hóa - giải trí chỉ chiếm 4,7%. Đặc biệt là các công việc như lấy nước ăn mùa hè, mua lương thực, thực phẩm, chất đốt, chợ búa cơm nước đã làm tiêu tốn nhiều thời gian, sức lực của người lao động, nhất là của phụ nữ. Nó đã thu hẹp phần thời gian tự do hàng ngày vốn đã ít ỏi của họ, hạn chế việc sử dụng thời gian đó cho các công việc có ích hơn như chăm sóc dạy dỗ con cái đọc sách báo nâng cao trình độ chuyên môn, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, v.v...

Việc tổ chức mạng lưới phục vụ công cộng, các cơ sở thương nghiệp dịch vụ tại các khu ở còn nhiều điều bất hợp lý là một trong những nguyên nhân của những tình trạng nói trên.

Một loại hoạt động khác có ý nghĩa quan trọng trong sinh hoạt của cư dân là các giao tiếp xã hội, giao tiếp tại nhà và ngoài nhà, giao tiếp cá nhân và giao tiếp cộng đồng. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, đây là một nhu cầu khách quan, cần phải được phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, cả hình thức lẫn nội dung. Có tính phổ biến là các giao tiếp với hàng xóm láng giềng, giao tiếp với những người thân thuộc, và giao tiếp với đồng nghiệp, đồng sự. Ngoài ra còn có các dạng giao tiếp khác của các nhóm lứa tuổi, các nhóm giới tính, các nhóm sở thích. Loại giao tiếp nào cũng cần có một không gian, một địa điểm phù hợp.

Nhà ở chật chội chỗ ăn, chỗ ngủ, chỗ tiếp khách, chỗ học hành của con cái... nhiều khi đều dồn tụ vào một khoảng không gian nhỏ hẹp trên dưới 10m². Điều này tất yếu ảnh hưởng đến hoạt động của mọi thành viên trong gia đình.

Đặc biệt đáng lưu ý là các giao tiếp với hàng xóm láng giềng, vì nó gắn liền với nơi ở, với việc tổ chức môi trường xã hội ở nơi này.

Ngay trong ước muốn của dân cư về một nơi ở tốt cũng đã sẵn có yếu tố này: họ muốn có những quan hệ qua lại tốt đẹp với những người sống gần bên. Cũng bởi mối quan hệ này mà trong 5 năm gần đây, 11% gia đình Hà Nội phải đổi nơi ở vì đã xảy ra xô xát, mất đoàn kết với hàng xóm tại nơi ở cũ. Tính chất chung đựng trong việc sử dụng khu phụ, việc không bảo đảm tính biệt lập khép kín của căn hộ nhiều khi cũng là nguyên nhân gây ra những xích mích, va chạm trong quan hệ xóm giềng.

Ngoài ra, cần chú ý tới nhu cầu giao tiếp của lớp trẻ mới lớn. Do đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu giao tiếp bạn bè của nhóm tuổi này khá cao. Nhà ở chỉ là một trong số những điểm tụ hội của họ (trung bình 40 lần tụ hội đạt như trên một năm). Phần nhiều các giao tiếp này còn diễn ra ở các nơi công cộng: công viên vườn hoa, rạp hát, câu lạc bộ... Các cơ sở, địa điểm này còn quá ít và các hình thức sinh hoạt, giải trí lành mạnh chưa thật phong phú, chưa có sức thu hút đối với lớp trẻ. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế hoạt động giao tiếp xã hội, giao tiếp văn hóa của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là của lớp thanh niên.

Cần phải lưu ý đúng mức tới vấn đề này khi xem xét vấn đề ở trên cả 3 cấp độ: căn hộ, khu nhà ở, điểm dân cư, cả trên giác độ quy hoạch, thiết kế, xây dựng lẫn trên khía cạnh tổ chức xã hội, phục vụ văn hóa tại nơi ở.

Trong cơ cấu quỹ thời gian của người lao động, phần thời gian tự do có một ý nghĩa nổi bật. Lượng thời gian tự do của mỗi người là bao nhiêu, và quan trọng hơn nữa là họ sử dụng thời gian đó như thế nào? Điều kiện ở trong căn hộ, tại khu ở, đã giúp gì cho việc sử dụng lượng thời gian này một cách hợp lý trong điều kiện hiện nay.

Các nghiên cứu về vấn đề này cho thấy tình hình như sau: một mặt, lượng thời gian tự do của các tầng lớp lao động là quá ít ỏi và mặt khác các dạng hoạt động của dân cư đô thị trong thời gian tự do còn quá nghèo nàn và cơ cấu các hoạt động đó còn nhiều bất hợp lý.

Nam giới mỗi tuần trung bình có 19 giờ, chiếm tỷ lệ 11,4% quỹ thời gian một tuần. Phụ nữ chỉ có 12 giờ 24 phút, chiếm tỷ lệ 7,4%. Trong đó thời gian nhiều nhất lại dành cho những sự nghỉ ngơi thụ động như nghỉ tự do (không làm gì). Nghe đài, đọc báo, xem ti vi, có hoạt động tích cực hơn như học tập nâng cao trình độ chuyên

môn, văn hóa chung, tham gia công tác xã hội, đến nhà hát, bảo tàng, triển lãm lại chiếm tỷ lệ rất thấp (một vài phần trăm trong cơ cấu thời gian tự do). Đồng thời lại thiếu vắng hẳn các hoạt động nghỉ ngơi như tham gia các nhóm văn nghệ nghiệp dư, hoạt động thể thao. Đặc điểm này không chỉ biểu hiện ở các nhóm gia đình mà cả ở các nhóm thanh niên học sinh, sinh viên công nhân trẻ được nghiên cứu.

Trong những ngày nghỉ, ngày lễ, ngày hội, hầu như toàn bộ các hoạt động vui chơi giải trí đều dồn tụ vào một vài địa điểm chính ở trung tâm thành phố. Với khối lượng người khổng lồ và nhu cầu rất đa dạng, số lượng ít ỏi các cơ sở phục vụ và sự thiếu thốn những tiện nghi, các hình thức vui chơi, giải trí hấp dẫn, đã không thể đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho đông đảo nhân dân.

Ở đây, toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ về vật chất và tinh thần cho cư dân tại các thành phố lớn đóng một vai trò hết sức quan trọng. Xét riêng về phương diện vấn đề ở, nó được thể hiện ở sự lựa chọn chỗ ở. Người ta muốn ở gần trung tâm, cho dù diện tích ở chật còn hơn phải sống ở những nơi xa trung tâm, thiếu các cơ sở dịch vụ vật chất và văn hóa tinh thần cần thiết. Đối với các hộ đang có nhu cầu cấp bách về nhà ở cũng chỉ có 40% tán thành ở nhà thấp tầng xa trung tâm. Còn trong đối tượng dân đang ở trong các khu nhà thấp tầng (1 - 3 tầng) thì đến 83% vẫn thích ở gần trung tâm hơn là ra ngoại ô, ở nhà thấp tầng, có sân vườn đầy đủ.

Trong điều kiện hiện nay, chất lượng tiện nghi phục vụ tại nơi ở nhiều khi còn giữ vai trò quan trọng ở cả bản thân căn nhà. Người ta sẵn sàng hy sinh điều kiện ở rộng để đổi lấy một căn nhà ở trung tâm thành phố, gần nơi làm việc, gần các cơ quan văn hóa giáo dục, các cơ sở dịch vụ hoặc môi trường xã hội được tổ chức tốt .v.v.. điều này có ảnh hưởng lớn tới mọi ý đồ quy hoạch muốn giải tỏa các khu trung tâm, phát triển và mở rộng các thành phố lớn theo sơ đồ trung tâm.

Điều kiện giao thông đi lại có ảnh hưởng quan trọng tới nếp sinh hoạt và lối sống của dân cư các khu ở trong việc tổ chức môi trường cư trú. Nghiên cứu vấn đề này tại một số khu ở của Thủ đô Hà Nội đã chỉ rõ thực trạng của việc giải quyết nhu cầu cần đi lại hàng ngày của nhân dân, trước hết là đi lại làm việc và sau đó là nhu cầu đi lại phục vụ sinh hoạt hàng ngày.

85% dân cư sử dụng xe đạp cá nhân cho đi lại làm việc và sinh hoạt. Thời gian dành cho đi lại từ nhà ở đến nơi làm việc và ngược lại trung bình mỗi ngày là 1 giờ 8 phút với khoảng cách trung bình là 5,2km. Tính chung cho tất cả các loại phương tiện (các phương tiện giao thông công cộng còn rất ít và chưa thuận tiện) tốc độ đi lại trung bình chỉ đạt 10km/h. Những khó khăn trọng việc thỏa mãn nhu cầu đi lại hàng ngày đang được đặt ra không kém phần cần thiết sau hai vấn đề lớn là ăn và ở. Nó có ảnh hưởng tới tính cơ động trong không gian ở của cư dân, hạn chế một phần những nhu cầu và phương thức thỏa mãn các nhu cầu đó trong sinh hoạt và lối sống. Đặc biệt, những khó khăn trong đi lại là một trong những nguyên nhân hạn chế các giao tiếp xã hội, giao tiếp văn hóa và nghỉ ngơi tích cực của dân cư trong thời gian rỗi. Nó cũng làm cho các khu ở các khu vực chức năng của thành phố chưa liên hệ chặt chẽ với nhau thành một hệ thống thống nhất. Như vậy nó cũng chưa góp phần tạo ra những điều kiện sống thuận lợi như nhau cho dân cư sống trên mọi địa điểm trong một thành phố hay một địa điểm dân cư nói chung.

Trong thời gian gần đây có một hoạt động mới xuất hiện trong cơ cấu các hoạt động ngoài giờ làm việc của các gia đình cán bộ công nhân viên chức thành phố. Đó

là hoạt động lao động làm thêm để tăng thu nhập cho gia đình. Tỷ lệ các gia đình có tiền hành hoạt động này như sau: trong hôn nhân 82% nam giới, 61,4% nữ giới trong viên chức 64,7% nam giới, 42% nữ giới, trong tri thức 28% nam giới, 16% nữ giới, với những cơ cấu thời gian rất khác nhau từ 30 phút tới 3-4 tiếng đồng hồ. Đối với các thành phố, mặc dù đây là hiện tượng có tính chất tạm thời, song có thể dự đoán là trong hàng chục năm nữa nó vẫn còn là một dạng hoạt động đáng kể. Vì thế, nó còn được lưu ý khi nghiên cứu giải quyết vấn đề ở trên khía cạnh chức năng của căn hộ và có kế hoạch hạn chế phần nào những nhân tố nông thôn hoá lối sống đô thị (như việc phát triển chăn nuôi gia súc trong thành phố).

Khi nghiên cứu các hoạt động sống của dân cư trong mối quan hệ với điều kiện ở, chúng tôi đã phân tích những khác biệt giữa các tầng lớp nghề nghiệp chủ yếu là trí thức, viên chức, công nhân cũng như giữa các nhóm nhân khẩu-xã hội khác. Điều này cho phép khái quát lại một bức tranh phong phú đa dạng về lối sống của các tầng lớp dân cư một khu ở hay một điểm dân cư, đặc biệt là trong lĩnh vực sinh hoạt. Ngoài ra đã có hai công trình nghiên cứu chuyên sâu về hai nhóm nhân khẩu - xã hội riêng biệt: nhóm những người về hưu và nhóm thiếu niên học sinh. Bằng cách nghiên cứu hầu hết các dạng hoạt động của hai nhóm dân cư này nhiều vấn đề xã hội đã được vạch ra, được phản ánh.

Những người về hưu tổ chức cuộc sống gia đình của họ ra sao? Họ tham gia vào các hoạt động của gia đình và xã hội tại nơi ở như thế nào? Đã có những biến đổi gì về địa vị xã hội của họ trong gia đình và ngoài xã hội? Làm thế nào để vừa phát huy được vốn kinh nghiệm và những năng lực phong phú của những người về hưu tiếp tục phục vụ xã hội, vừa bảo đảm cho họ một cuộc sống đầy đủ ý nghĩa lúc tuổi già..

Đó là những câu hỏi đã được đặt ra và phần nào được lý giải qua các số liệu điều tra cụ thể của đề tài nghiên cứu về những người về hưu tại thành phố Hà Nội.

Đối với lứa tuổi thiếu niên học sinh, công trình nghiên cứu vừa nói trên đã chỉ ra những nhu cầu của các em trong các hoạt động vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa giúp đỡ gia đình tại nơi ở ngoài giờ học. Vấn đề nổi bật là tình trạng thiếu các điểm vui chơi sinh hoạt được xây dựng, được tổ chức qui củ và nề nếp.

Hiện nay loại chỗ chơi như vậy chỉ đáp ứng được khoảng 10% số hoạt động vui chơi thực tế của các em. Ngay đến góc sân cạnh nhà cũng chỉ có 44% các em có may mắn được chơi ở đó và phần lớn tập trung ở các khu tập thể thấp tầng. Vì thế có tới 72% các em thường hay chơi ở các chỗ chơi bị cấm như đá bóng trên hè phố, bơi lội ở hồ công viên...

Điều này một lần nữa khẳng định sự đóng góp của các cơ quan quản lý, các ngành hữu quan trong việc phối hợp với ngành quy hoạch kiến trúc và xây dựng trong việc tổ chức những khu ở đáp ứng nhu cầu cho đông đảo các tầng lớp dân cư và các nhóm xã hội.

Nhìn chung lại, qua khảo sát một số mặt trong sinh hoạt và lối sống của dân cư tại nơi ở, các kết quả nghiên cứu thu được đã phản ánh một hệ thống nhu cầu có tính chất khách quan, hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong lĩnh vực sinh hoạt đời sống

tại nơi ở. Các kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại của đất nước (trong đó có điều kiện ở) gây ra. Mặt khác, các nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của hệ thống phục vụ công cộng ngoài nhà ở, các tiện nghi sinh hoạt cho khu nhà ở. Trong điều kiện nhà ở còn khó khăn, vai trò của hệ thống phục vụ đang nổi bật lên như là một nhân tố, một hướng đi có khả năng góp phần cải thiện điều kiện ở chất lượng ở nói chung.

Điều kiện ở, hiểu theo nghĩa rộng đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa việc cải thiện nhà ở với việc hoàn thiện hơn nữa hệ thống phục vụ và tiện nghi ngoài nhà ở, tại khu ở. Ở đây, môi trường không gian - kiến trúc, môi trường tâm lý - xã hội trong căn hộ và môi trường không gian, môi trường xã hội ngoài căn hộ có quan hệ mật thiết với nhau với tư cách là cái bộ phận và cái toàn thể, cái vi mô và cái vĩ mô, bản thân *đời sống thực tiễn, nguyện vọng của nhân dân cũng như quan điểm khoa học trong việc giải quyết vấn đề ở là thống nhất* với nhau trong cách hiểu và cách nhìn nhận xét vấn đề này. Nhiều khi vấn đề chỉ còn là ở chỗ quán triệt và thể hiện quan điểm đó trong thực tiễn quy hoạch thiết kế xây dựng và tổ chức nơi ở cho nhân dân.